

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28-8-2020

V/v: *Ly hôn giữa*

Anh N và chị M.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh

2. Ông Tống Xuân Tú

- Thư ký phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Th, tỉnh Th; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Kh, xã Ph, huyện H, tỉnh Th; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 04-4-2020 và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã Th, huyện Th, tỉnh Th vào ngày 02-4-2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không

hợp dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7-2013. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M không có con chung. Trong giấy khai sinh của cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 16-5-2016 có ghi họ tên người cha: Nguyễn Văn N là do gia đình chị M tự ý khai. Anh đề nghị Tòa án xác định cháu Nguyễn Thị Th là con riêng của chị M. Anh đề nghị Tòa án trưng cầu giám định ADN để chứng minh anh không phải là cha đẻ của cháu Nguyễn Thị Th và anh yêu cầu chị M hoàn trả anh số tiền anh đã nộp tạm ứng cho việc chi phí giám định ADN là 5.050.000đồng .

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ở xa, công việc bận nên anh N xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị M.

Tại bản tự khai ngày 11-5-2020 và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Th vào ngày 02-4-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7-2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, chị đã bỏ về bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7-2013 và vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, anh N khởi kiện ly hôn, chị nhất trí.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung. Chị M xác định cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 16-5-2016 là con riêng của chị, hiện nay cháu Th đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị xin tiếp tục nuôi cháu Th. Chị M nhất trí với kết luận giám định ADN ngày 04-8-2020 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền, địa chỉ: Chung cư 249A Thụy Khê, phường Thụy Khê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Về tài sản: Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể

từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị xử cho anh Nguyễn Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị M; về nuôi con: Xác định anh N và chị M không có con chung; Xác định cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 16-5-2016 là con riêng của chị M, giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, anh N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Th; về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Anh N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M đã hoàn trả anh Nguyễn Văn N số tiền chi phí giám định ADN là 5.050.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về tố tụng*: Anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giải quyết việc ly hôn chị Nguyễn Thị M, chị M đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại Thôn Kh, xã Ph, huyện H, tỉnh Th. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; Anh N có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa anh và chị M nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N theo quy định khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị M kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Th, tỉnh Th vào ngày 02-4-2013, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nên trong cuộc sống vợ chồng đã xảy ra cãi nhau, vợ chồng anh N và chị M sống ly thân từ tháng 7-2013 đến nay. Nay anh N và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh N khởi kiện ly hôn, chị M cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng anh N và chị M sống ly thân nhau đã lâu, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh N và chị M ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh N và chị M, chị M có sinh một con là Nguyễn Thị Th sinh ngày 16-5-2016. Cháu Nguyễn Thị Th đã được đăng ký khai sinh vào ngày 11-4-2018 tại UBND xã Ph, huyện H, tỉnh Th

và trong phần họ tên người cha của cháu Th được xác định anh Nguyễn Văn N là cha của cháu Th. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh N và chị M đều xác định cháu Th không phải là con chung của anh N và chị M, chị M xác định cháu Th là con riêng của chị. Mặt khác, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà đã trưng cầu giám định để xác định huyết thống cha con giữa anh Nguyễn Văn N và cháu Nguyễn Thị Th theo yêu cầu của anh N. Tại kết quả giám định ADN mã số 19601 ngày 04-8-2020 của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền, địa chỉ: Chung cư 249A Thụy Khê, phường Thụy Khê, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội kết luận: Anh Nguyễn Văn N và cháu Nguyễn Thị Th không có quan hệ huyết thống cha - con. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cháu Nguyễn Thị Th không phải là con của anh N, mà là con riêng của chị M. Chị M có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu Th, không đặt ra vấn đề nuôi và cấp dưỡng cháu Nguyễn Thị Th đối với anh N.

[5] Về chia tài sản: Anh N và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết..

[6] Về án phí: Anh N là nguyên đơn phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí giám định ADN: Anh N đã nộp tạm ứng đủ số tiền 5.050.000đồng, vì cháu Th không phải là con anh N nên chị M đã tự nguyện hoàn trả số tiền trên cho anh N. Xét sự tự nguyện của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự cần ghi nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 88 và Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị M.

2. *Về con chung*: Anh N và chị M không có con chung.

Xác định cháu Nguyễn Thị Th sinh ngày 16-5-2016 là con của chị Nguyễn Thị M, không phải là con của anh Nguyễn Văn N. Giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th.

Chị M, anh N có quyền liên hệ với cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền để ghi chú theo quy định của pháp luật về hộ tịch.

3. *Về chia tài sản*: Anh N, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về chi phí giám định*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị M đã hoàn trả anh Nguyễn Văn N khoản tiền chi phí giám định ADN số tiền là 5.050.000đồng (Năm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

5. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng anh N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005964 ngày 04-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Anh N đã nộp đủ tiền án phí)

5. Về quyền kháng cáo: Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Anh N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Th, H. Th, T. Th
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên